

CHỦ TỊCH NƯỚC

LỆNH của Chủ tịch nước số 51-L/CTN ngày 9-9-1996 công bố **Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh về Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.**

**CHỦ TỊCH NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội,

NAY CÔNG BỐ:

1. Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên;
2. Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh về Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 27 tháng 8 năm 1996.

Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
LÊ ĐỨC ANH

PHÁP LỆNH về Lực lượng dự bị động viên.

Để bảo đảm sức mạnh của quân đội đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

Để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, tổ

chức chính trị, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân trong việc xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên;

Căn cứ vào Điều 46 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Luật Nghĩa vụ quân sự và Luật về Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 8 về chương trình xây dựng pháp luật;

Pháp lệnh này quy định về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Nhà nước xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu để bổ sung, tăng cường cho lực lượng thường trực của quân đội khi có nhu cầu chiến đấu.

Điều 2.- Lực lượng dự bị động viên gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật đã xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội.

Quân nhân dự bị gồm sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.

Phương tiện kỹ thuật gồm phương tiện vận tải, làm đường, xếp dỡ, thông tin liên lạc, y tế và một số loại phương tiện khác. Danh mục phương tiện kỹ thuật do Chính phủ quy định.

Điều 3.- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước và sự quản lý, điều hành của Chính phủ.

Lực lượng dự bị động viên được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có trình độ chiến đấu cao và được quản lý chặt chẽ.

Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên phải bảo đảm đủ chỉ tiêu, đúng tiêu chuẩn, đúng thời gian, bảo đảm bí mật, an toàn theo quy định của pháp luật.

096-1999
Tel: +84-8-3845 6684
www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoft

Điều 4.- Trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia, Nhà nước điều động phương tiện kỹ thuật thuộc sở hữu toàn dân, trưng mua, trưng dụng phương tiện kỹ thuật thuộc sở hữu cá nhân, tổ chức của Việt Nam để bổ sung, tăng cường cho lực lượng thường trực của quân đội và để triển khai kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên. Việc trưng mua, trưng dụng phương tiện kỹ thuật được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 5.- Các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm thực hiện những quy định về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên của Pháp lệnh này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 6.- Nghiêm cấm việc thành lập và sử dụng các đơn vị dự bị động viên trái với quy định của Pháp lệnh này.

Chương II

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

Điều 7.- Xây dựng lực lượng dự bị động viên gồm:

1. Đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật;
2. Tổ chức, biên chế đơn vị dự bị động viên;
3. Quản lý, huấn luyện, diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên;
4. Thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị;
5. Bảo đảm hậu cần, trang bị kỹ thuật và tài chính;
6. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác để sẵn sàng huy động lực lượng dự bị động viên.

Điều 8.- Việc đăng ký, quản lý quân nhân dự bị thực hiện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự và Luật về Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 9.- Chế độ, thủ tục đăng ký và quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội do Chính phủ quy định.

Điều 10.- Chính phủ giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên và nhiệm vụ bảo đảm hậu cần, trang bị kỹ thuật, tài chính trong việc xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh).

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quy mô, loại hình tổ chức và số lượng đơn vị dự bị động viên do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xây dựng, đồng thời phân bổ đơn vị dự bị động viên cho các đơn vị thường trực của quân đội.

Căn cứ vào chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

Điều 11.- Quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội được tổ chức thành các đơn vị dự bị động viên. Đơn vị dự bị động viên phải được duy trì đủ quân số, trang bị phương tiện kỹ thuật.

Việc sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật vào đơn vị dự bị động viên do Chính phủ quy định.

Điều 12.- Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban Nhân dân cấp huyện) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật có trên địa phương vào các đơn vị dự bị động viên, trừ số quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật đã xếp trong các đơn vị dự bị động viên do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng và trừ số phương tiện kỹ thuật của các ngành, địa phương và các tổ chức được giữ lại để duy trì hoạt động trong chiến tranh.

Tỷ lệ phương tiện kỹ thuật được giữ lại để duy trì hoạt động trong chiến tranh do Chính phủ quy định.

Điều 13.- Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan quân sự cùng cấp tổ chức, biên chế, quản lý, huấn luyện đơn vị dự bị động viên của địa phương và phối hợp với các đơn vị chủ lực trong việc tổ chức, biên chế, quản lý, huấn luyện đơn vị dự bị động viên của địa phương và phối hợp với các đơn vị chủ lực trong việc tổ

chức, biên chế, quản lý, huấn luyện đơn vị dự bị động viên của bộ đội chủ lực.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với đơn vị thường trực của quân đội trong việc tổ chức, biên chế, quản lý, huấn luyện đơn vị dự bị động viên.

Chế độ phối hợp trong việc tổ chức, biên chế, quản lý, huấn luyện đơn vị dự bị động viên do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Việc bổ nhiệm sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị giữ chức vụ trong đơn vị dự bị động viên thực hiện theo quy định của Luật về Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 14.-

1. Chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên hàng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Việc gọi quân nhân dự bị tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra thực hiện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự và Luật về Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Việc điều động có thời hạn phương tiện kỹ thuật đã xếp trong đơn vị dự bị động viên thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng để tập trung, huấn luyện, diễn tập, kiểm tra do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan đó quyết định theo kế hoạch đã được phê chuẩn.

4. Việc điều động có thời hạn, trưng dụng số lượng phương tiện kỹ thuật đã xếp trong đơn vị dự bị động viên thuộc địa phương xây dựng để tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định; việc điều động có thời hạn, trưng dụng từng phương tiện kỹ thuật do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định theo kế hoạch đã được phê chuẩn.

5. Để bảo đảm cho việc huấn luyện, diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên trong kế hoạch đã được phê chuẩn, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp được quyền huy động nhân lực và phương tiện không xếp trong các đơn vị dự bị động viên có trên địa phương mình.

Điều 15.-

1. Quân nhân dự bị đã xếp trong đơn vị dự bị động viên có trách nhiệm chấp hành:

a) Quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, kiểm tra sức khỏe;

b) Lệnh tập trung huấn luyện, diễn tập, lệnh kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu;

c) Chế độ sinh hoạt đơn vị dự bị động viên;

d) Lệnh gọi nhập ngũ, lệnh huy động làm nhiệm vụ chiến đấu;

đ) Những quy định khác của pháp luật về trách nhiệm của quân nhân dự bị.

2. Quân nhân dự bị giữ chức vụ chỉ huy trong đơn vị dự bị động viên ngoài việc thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm:

a) Nắm tình hình số lượng, chất lượng đơn vị; duy trì đơn vị sinh hoạt theo chế độ và thực hiện chế độ báo cáo;

b) Quản lý, chỉ huy đơn vị khi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.

Điều 16.- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ sinh hoạt của các đơn vị dự bị động viên, chế độ báo cáo, chế độ kiểm tra công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên, quy định trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác cho việc huy động lực lượng dự bị động viên.

Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam hướng dẫn thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị trong xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

Chương III

HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

Điều 17.- Huy động lực lượng dự bị động viên gồm:

1. Thông báo lệnh huy động lực lượng dự bị động viên;

2. Tập trung quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật;

3. Vận chuyển và giao nhân lực lượng dự bị động viên;

4. Thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị;

5. Thực hiện công tác bảo đảm hậu cần, trang bị kỹ thuật và tài chính.

Điều 18.- Lực lượng dự bị động viên được huy động trong các trường hợp sau:

1. Bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội khi có lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ và trong chiến tranh;

2. Tăng cường cho lực lượng thường trực của quân đội khi có nhu cầu chiến đấu để bảo vệ địa phương, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ mà chưa đến mức phải động viên cục bộ.

Điều 19.-

1. Thâm quyền huy động lực lượng dự bị động viên khi có lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ và trong chiến tranh:

a) Chính phủ quyết định huy động số lượng quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật và quyết định chuyển giao số lượng phương tiện kỹ thuật thuộc dự trữ quốc gia cho Bộ Quốc phòng;

b) Căn cứ quyết định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra lệnh huy động các đơn vị dự bị động viên ở từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

c) Quyền gọi quân nhân dự bị nhập ngũ thực hiện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự và Luật về Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam;

d) Căn cứ quyết định của Chính phủ, lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều động phương tiện kỹ thuật trong đơn vị dự bị động viên do cơ quan mình xây dựng;

- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh điều động số lượng phương tiện kỹ thuật trong đơn vị dự bị động viên do địa phương mình xây dựng; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định điều động từng phương tiện kỹ thuật;

d) Thâm quyền trưng mua, trưng dụng phương tiện kỹ thuật thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Việc huy động nhân lực và phương tiện để triển khai kế hoạch huy động lực lượng dự bị động viên được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 của Pháp lệnh này.

Điều 20.- Chính phủ quy định các trường hợp cụ thể được huy động lực lượng dự bị động viên để tăng cường cho lực lượng thường trực của quân đội; quy định thâm quyền, thời hạn, số lượng đơn vị dự bị động viên được huy động làm nhiệm vụ nói tại Khoản 2 Điều 18 của Pháp lệnh này.

Điều 21.- Việc thông báo lệnh huy động lực lượng dự bị động viên tới công dân, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị quân đội có nhiệm vụ giao nhận lực lượng dự bị động viên do Chính phủ quy định.

Điều 22.- Việc tập trung, vận chuyển, giao nhận lực lượng dự bị động viên được quy định như sau:

1. Ủy ban Nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc tập trung quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật, vận chuyển và bàn giao cho các đơn vị thường trực của quân đội;

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chỉ đạo cấp dưới thuộc quyền thực hiện việc tập trung quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật, vận chuyển và bàn giao cho các đơn vị thường trực của quân đội;

3. Các đơn vị thường trực của quân đội triển khai tiếp nhận lực lượng dự bị động viên và ổn định tổ chức biên chế, trang bị của đơn vị mình;

4. Quân nhân dự bị có trách nhiệm chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, cá nhân, tổ chức có phương tiện kỹ thuật phải chấp hành lệnh điều động, trưng mua, trưng dụng;

5. Địa điểm giao nhận lực lượng dự bị động viên thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Bên giao có trách nhiệm bảo đảm ăn, ở cho quân nhân dự bị đến khi bàn giao xong. Quá trình tập trung, vận chuyển và giao nhận lực lượng dự bị động viên phải bảo đảm an toàn.

Điều 23. - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thời hạn hoàn thành việc huy động và tổ chức chỉ đạo quá trình huy động lực lượng dự bị động viên.

Chương IV

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, KINH PHÍ XÂY DỰNG VÀ HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

Điều 24.- Quân nhân dự bị khi tham gia huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu được hưởng quyền lợi theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự và Luật về Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

Quyền lợi của quân nhân dự bị được huy động đi làm nhiệm vụ nói tại Khoản 2 Điều 18, quyền lợi của chủ phương tiện và của người được huy động phục vụ các nhiệm vụ nói tại Khoản 5 Điều 14, Khoản 2 Điều 19 của Pháp lệnh này do Chính phủ quy định.

Điều 25.- Quân nhân dự bị giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên có quy mô tổ chức từ tiểu đội hoặc tương đương trở lên, hàng quý được hưởng khoản phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị bằng hệ số so với lương tối thiểu như sau:

- Tiểu đội trưởng	: 0,25;
- Trung đội trưởng	: 0,30;
- Phó Đại đội trưởng	: 0,35;
- Đại đội trưởng	: 0,40;
- Phó Tiểu đoàn trưởng	: 0,45;
- Tiểu đoàn trưởng	: 0,50;
- Phó Trung đoàn trưởng	: 0,55;
- Trung đoàn trưởng	: 0,60.

Điều 26.- Kinh phí xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên được bảo đảm bằng các nguồn sau đây:

1. Ngân sách Nhà nước cấp cho Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành ở trung ương chỉ cho công tác quốc phòng;

2. Ngân sách Nhà nước do Trung ương phân cấp cho địa phương chỉ cho công tác quốc phòng.

Điều 27.- Kinh phí cho xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên được chi cho những công việc sau đây:

1. Đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật, quản lý đơn vị dự bị động viên;

2. Huấn luyện, diễn tập, kiểm tra lực lượng dự bị động viên;

3. Điều động, trưng mua và trưng dụng phương tiện kỹ thuật;

4. Huy động, bàn giao các đơn vị dự bị động viên cho lực lượng thường trực của quân đội và huy động đơn vị dự bị động viên theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Pháp lệnh này;

5. Xây dựng, trang bị phương tiện cho sở chỉ huy động viên, trạm tập trung quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật và doanh trại bảo đảm cho đơn vị dự bị động viên khi tập trung huấn luyện;

6. Dự trữ phương tiện kỹ thuật, hậu cần vật chất bảo đảm cho lực lượng dự bị động viên khi huy động;

7. Những công việc khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG VÀ HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

Điều 28.- Nội dung quản lý nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên bao gồm:

1. Ban hành và hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên;

2. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên;

3. Quy định và tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên;

4. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên;

5. Tuyên truyền, giáo dục, động viên nhân dân tham gia xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên;

6. Sơ kết, tổng kết công tác xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

Điều 29.-

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ quản lý nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên; hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các cấp, tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong việc xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

Tư lệnh quân khu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn quân khu.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên được Chính phủ giao.

Điều 30.- Ủy ban Nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên trong phạm vi địa phương.

Cơ quan quân sự địa phương phối hợp với cơ quan hữu quan giúp Ủy ban Nhân dân cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

Điều 31.- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội ở các cấp có trách nhiệm giáo dục, động viên hội viên, đoàn viên của tổ chức mình và vận động nhân dân thực hiện những quy định về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên; giám sát việc thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên theo quy định của Pháp lệnh này.

Điều 32.- Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm trong công tác xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên. Cơ quan nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 33.- Tổ chức, cá nhân có thành tích trong xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên được khen thưởng theo chế độ của Nhà nước.

Điều 34.- Người có hành vi trốn tránh, cản trở, chống đối việc xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 35.- Người thiếu trách nhiệm, gây thiệt hại trong xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên, lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định hoặc bao che cho người vi phạm Pháp lệnh này hoặc vi phạm những quy định khác của pháp luật về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36.- Pháp lệnh này có hiệu lực kể từ ngày công bố.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 37.- Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Chủ tịch
NÔNG ĐỨC MẠNH

PHÁP LỆNH sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh về Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 18 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 3 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 8 về chương trình xây dựng pháp luật;

Pháp lệnh này sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh về Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Điều 1.- Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh về Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất như sau:

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất không phải trả tiền sử dụng đất gồm:

a) Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, sử dụng cho quốc phòng, an ninh;

b) Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng đất để xây dựng các công trình thuộc các ngành và lĩnh vực sự nghiệp về kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật, ngoại giao;

c) Doanh nghiệp, công ty sử dụng đất vào mục đích công cộng để xây dựng đường giao thông, cầu, cống, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, sông, hồ, đập, trường học, cơ quan nghiên cứu khoa học, bệnh viện, chợ, công viên, vườn hoa, khu vui chơi cho trẻ em, quảng trường, sân vận động, sân bay, bến cảng và các công trình công cộng khác theo quy định của Chính phủ;

d) Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, xã hội, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, tổ chức kinh tế tập thể sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối. Chính phủ quy định hạn mức đất được giao và thời hạn sử dụng đất đối với các tổ chức này.

2. Tổ chức kinh tế trong nước được Nhà nước giao đất phải trả tiền sử dụng đất gồm:

a) Tổ chức kinh tế sử dụng đất vào mục đích xây dựng nhà ở để bán cho công dân Việt Nam hoặc cho thuê;

b) Tổ chức kinh tế sử dụng đất vào mục đích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền sử dụng đất gắn liền với kết cấu hạ tầng đó.

3. Tổ chức kinh tế trong nước được Nhà nước cho thuê đất gồm các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, xã hội, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, tổ chức kinh tế tập thể sử dụng đất vào mục đích không phải là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này".

2. Bổ sung Điều 1a như sau:

"1. Việc giao đất, cho thuê đất quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh này phải phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt.

2. Hạn mức đất được giao, được thuê và mục đích, thời hạn sử dụng đất phải phù hợp với luận chứng kinh tế - kỹ thuật đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt".

3. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép doanh nghiệp sử dụng một phần đất đã được giao quy định tại Khoản 1 của Điều này và đất làm muối để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh khác thì đối với diện tích đất đó phải thực hiện chế độ thuê đất, nếu sử dụng vào mục đích quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Pháp lệnh này thì phải trả tiền sử dụng đất".

4. Bổ sung Điều 6a như sau:

"Tổ chức kinh tế trong nước được Nhà nước giao đất quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Pháp lệnh này có các quyền sau đây:

1. Chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi bán nhà ở gắn liền với đất đó; chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm nhà ở gắn liền với kết cấu hạ tầng đã được xây dựng trên đất đó;

2. Cho thuê quyền sử dụng đất gắn liền với kết cấu hạ tầng đã được xây dựng xong trên đất đó;

3. Thế chấp giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao tại Ngân hàng Việt Nam để vay vốn sản xuất, kinh doanh;

4. Góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất để liên doanh với tổ chức, cá nhân trong nước.

Tổ chức kinh tế trong nước là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính

trị, xã hội, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh được Nhà nước giao đất phải trả tiền sử dụng đất có quyền góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất để liên doanh với tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của Chính phủ".

5. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Tổ chức được Nhà nước giao đất để sử dụng vào mục đích không phải sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối mà không phải trả tiền sử dụng đất hoặc trả tiền sử dụng đất bằng vốn ngân sách Nhà nước, nếu đã xây dựng các công trình thì khi chuyển nhượng các công trình này gắn liền với việc sử dụng đất phải nộp vào ngân sách Nhà nước tiền chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Chính phủ".

Điều 2.- Căn cứ vào các quy định của Pháp lệnh này, Chính phủ quy định cụ thể việc giải quyết đối với các tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trước ngày Pháp lệnh này có hiệu lực.

Pháp lệnh này có hiệu lực kể từ ngày công bố.

Điều 3.- Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 46-CP ngày 6-8-1996 quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về y tế.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày 30 tháng 6 năm 1989;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 8 tháng 7 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC Y TẾ, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Mục A. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ VỆ SINH; HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 1.- Vi phạm các quy định về vệ sinh lương thực, thực phẩm, các loại nước uống, rượu và thuốc hút:

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Người làm những công việc liên quan trực tiếp đến việc chế biến, sản xuất thành phẩm lương thực, thực phẩm, các loại nước uống, rượu và thuốc hút không chấp hành các quy định về vệ sinh cá nhân hoặc đang mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh ngoài da hoặc không có giấy chứng nhận đã qua huấn luyện về vệ sinh an toàn thực phẩm.

b) Không che đậy, bao gói các loại thức ăn chín, các loại thực phẩm ăn ngay và các loại đồ uống.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 800.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không bảo đảm các quy định về sinh hoàn cảnh, vệ sinh dụng cụ tại các nơi sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh và chuyên chở thành phẩm lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu.

b) Nguyên liệu sản xuất, phụ gia thực phẩm và nước dùng để sản xuất thành phẩm lương thực, thực phẩm, nước uống, rượu và thuốc hút không bảo đảm các tiêu chuẩn vệ sinh.

c) Không có giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm hoặc giấy đã hết hạn nhưng không xin giấy mới đối với cơ sở sản xuất và kinh doanh thành phẩm lương thực, thực phẩm, nước uống, rượu và thuốc hút.